

## ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

*Kèm theo Hợp đồng số: ..., ngày ...*

<b>A. Các quy định chung</b>	
<b>E-ĐKC 1.4</b>	Chủ đầu tư là: Công ty Điện lực Đắk Lắk - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Trung.
<b>E-ĐKC 1.7</b>	Công trình bao gồm: - Tên dự án: Cải tạo tường rào TBA 110kV Tuy Hòa năm 2026 - Tên gói thầu: Gói thầu 01/XL-ĐTK.9.2026: Thi công xây dựng
<b>E-ĐKC 1.10</b>	Địa điểm Công trường tại: Trạm biến áp 110kV Tuy Hòa, đường Trương Định, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk và được xác định trong các Bản vẽ thiết kế được duyệt.
<b>E-ĐKC 1.16</b>	Ngày hoàn thành là: <b>60 ngày</b> kể từ ngày Chủ đầu tư phát hành thông báo khởi công.
<b>E-ĐKC 1.17</b>	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: <b>60 ngày</b> kể từ ngày Chủ đầu tư phát hành thông báo khởi công.
<b>E-ĐKC 1.18</b>	Ngày khởi công là: ngày Chủ đầu tư có thông báo khởi công công trình.
<b>E-ĐKC 1.19</b>	Nhà thầu là:..... - Tên giao dịch: ..... - Địa chỉ: ..... - Điện thoại: ..... - Tài khoản: ..... - Mã số thuế: ..... - Đại diện là ông:..... Chức vụ: Giám đốc
<b>E-ĐKC 1.29</b>	- Tư vấn quản lý dự án: Ban Quản lý dự án ĐTXD - Công ty Điện lực Đắk Lắk; - Tư vấn giám sát là: Do Công ty Điện lực Đắk Lắk bố trí.
<b>E-ĐKC 2.1</b>	Hoàn thành từng phần: Không áp dụng.
<b>E-ĐKC 2.3(i)</b>	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: 1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Biểu giá và các Phụ lục); 2. Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng; 3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng. 4. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; 5. Điều kiện cụ thể của hợp đồng (ĐKCT);

	<p>6. Điều kiện chung của hợp đồng (ĐKC);</p> <p>7. Hồ sơ dự thầu và các văn bản làm rõ E-HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có);</p> <p>8. E-HSMT và các tài liệu bổ sung, làm rõ E-HSMT (nếu có).</p> <p>9. Các tài liệu kèm theo khác, Phụ lục I: Bảng chiết tính giá trị hợp đồng; Phụ lục II: Bảng thông số kỹ thuật VTTB do nhà thầu cung cấp; Phụ lục III: Danh sách nhân sự chủ chốt thực hiện gói thầu.</p>
<b>E-ĐKC 5.2</b>	<p>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: ..... <b>đồng</b> (tương đương 6% giá hợp đồng) (Bằng chữ: .....).</p> <p>- Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày: hết ngày thứ 28 sau khi bên B hoàn thành tất cả công việc của hợp đồng và bên A nhận được bảo lãnh bảo hành. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là <b>6,0 phần trăm (%)</b> giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp.</p> <p><u>Tích thu bảo đảm thực hiện hợp đồng</u>: Bên A có quyền tích thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;</li> <li>- Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;</li> <li>- Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng;</li> <li>- Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng;</li> </ul> <p>Nếu bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày.</p> <p>Trường hợp Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà bên B phải khắc phục thì bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng.</p>
<b>E-ĐKC 5.4</b>	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện Hợp đồng sẽ được Bên A giải tỏa và trả lại cho Bên B không chậm hơn 28 ngày kể từ khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ của Hợp đồng, Dự án</p>

	được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành từ Bên B.
<b>E-ĐKC 8.2(d)</b>	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 7 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
<b>E-ĐKC 8.8(a)</b>	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 7 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
<b>E-ĐKC 8.11</b>	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 7 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
<b>E-ĐKC 9.3</b>	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 7 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
<b>E-ĐKC 11.1</b>	Danh sách nhà thầu phụ: không áp dụng.
<b>E-ĐKC 11.2</b>	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 0%
<b>E-ĐKC 11.4</b>	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: không áp dụng
<b>E-ĐKC 13</b>	<p>Nhà thầu sẽ không được phép thi công nếu không đảm bảo về số lượng và thành phần nhân sự theo E-HSDT.</p> <p>Trường hợp trong quá trình thực hiện có sự thay đổi về nhân sự trong E-HSDT (phải bằng các nhân sự có kinh nghiệm, năng lực tương tự hoặc cao hơn), Nhà thầu phải báo cáo đơn vị QLDA và được thống nhất cho phép thay đổi bằng văn bản để quản lý theo dõi.</p> <p>Trong mỗi gói thầu thi công xây lắp, Chủ đầu tư có 3 lần gửi văn bản đến nhà thầu về lý do chưa đảm bảo thi công theo số lượng và thành phần về công tác nhân sự trong E-HSDT (3 lần vi phạm). Chủ đầu tư thực hiện chấm dứt hợp đồng xây lắp với nhà thầu vi phạm và thông báo về EVNCPC để xem xét năng lực Nhà thầu này tham dự thầu đối với các gói thầu của các đơn vị QLDA khác trong EVNCPC.</p>
<b>E-ĐKC 19.1</b>	<p>Yêu cầu về bảo hiểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu.</li> <li>- Nhà thầu phải cử cán bộ (Chỉ huy trưởng hoặc các cán bộ chủ chốt) và tự chịu kinh phí khi tham gia giám định hiện trường.</li> <li>- Sau khi có biên bản giám định hiện trường và có ý kiến của Chủ đầu tư, trong vòng 10 ngày Nhà thầu phải triển khai khắc phục tổn thất.</li> </ul>

<b>E-ĐKC 20.1(a)</b>	Thời gian bảo hành công trình tối thiểu 12 tháng, kể từ ngày được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng
<b>E-ĐKC 21</b>	Thông tin về công trường là: tại Trạm biến áp 110kV Tuy Hòa, đường Trương Định, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk và được xác định trong các Bản vẽ thiết kế được duyệt.
<b>E-ĐKC 24</b>	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: ngày Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng và lập biên bản bàn giao mặt bằng.
<b>E-ĐKC 27.2</b>	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày.          Giải quyết tranh chấp: Các bên sẽ nỗ lực tối đa để giải quyết các tranh chấp hoặc bất đồng phát sinh liên quan đến các hợp đồng bằng cách thương lượng.</p> <p>Tòa án: Nếu sau 15 ngày kể từ khi bắt đầu thương lượng mà các Bên không được thỏa thuận về giải quyết tranh chấp theo các hợp đồng, thì một trong hai bên có thể yêu cầu giải quyết các tranh chấp đó qua Tòa án nhân dân có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.</p> <p>- Nếu thương lượng không thành công, tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền tại nơi chủ đầu tư đặt trụ sở để giải quyết theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Nhà thầu có thời hạn <b>90 ngày</b> (kể từ ngày Chủ đầu tư có văn bản gửi nhà thầu thông báo quyết định xử lý vi phạm, đơn phương chấm dứt hợp đồng) để thực hiện quyền phản đối, khiếu nại việc Chủ đầu tư xử lý vi phạm, đơn phương chấm dứt hợp đồng. Hết thời hạn này, nếu nhà thầu không có văn bản phản đối thì các quyết định xử lý vi phạm của chủ đầu tư sẽ là căn cứ để đánh giá năng lực kinh nghiệm và uy tín nhà thầu trong các gói thầu tương tự, trừ trường hợp nội dung phản đối đã được tòa án hoặc trọng tài thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật về tố tụng.</p>
<b>B. Quản lý thời gian</b>	
<b>E-ĐKC 28</b>	<p>- Ngày khởi công: Là ngày Chủ đầu tư thông báo khởi công xây dựng công trình.</p> <p>- Ngày hoàn thành dự kiến: <b>60</b> ngày kể từ ngày Chủ đầu tư phát hành thông báo khởi công.</p>
<b>E-ĐKC 29.1</b>	<p>Tiến độ cấp 2 được nhà thầu lập trong vòng 3 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng và trình Chủ đầu tư thống nhất phê duyệt. Mọi chậm trễ tiến độ sẽ thực hiện theo các điều khoản cụ thể trong hợp đồng.</p> <p><b>Các lưu ý khi lập tiến độ cấp 2:</b></p> <p>+ Phải căn cứ vào kết quả khảo sát thực tế hiện trường, thời gian và nguồn lực của nhà thầu đã cam kết trong tiến độ hợp đồng. Tiến độ cấp 2 phải đảm bảo khả thi, thuận lợi nhất trong công tác thi công, giám sát và quản lý tiến độ hợp đồng.</p>

	<p>+ Phân rã các nội dung trong tiến độ hợp đồng đã ký theo từng công việc cụ thể, theo đó lập lại các công việc theo nhóm thi công, loại hình công việc và theo từng hạng mục/bộ phận công trình để thuận lợi trong việc quản lý tiến độ.</p> <p>+ Tiến độ công việc phải có thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc, thể hiện rõ công việc trước, công việc sau và liên kết hợp lý với nhau. Đồng thời phải thể hiện thời gian giải phóng mặt bằng và các thủ tục liên quan (nếu có).</p>
<b>E-ĐKC 29.4</b>	<p>- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: hàng tuần vào ngày thứ 5.</p> <p>- Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật là 10% đợt thanh toán kế tiếp.</p>
<b>E-ĐKC 30.7</b>	<p>Các trường hợp khác:</p> <p>a) Có sự thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Chủ đầu tư (Bên giao thầu) làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng.</p> <p>b) Do ảnh hưởng của các trường hợp bất khả kháng như: ảnh hưởng của động đất, bão, lũ lụt, sóng thần, hỏa hoạn, dịch họa, dịch bệnh hoặc các sự kiện bất khả kháng khác;</p> <p>- Bất khả kháng là những sự kiện hoặc trường hợp bất thường:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nằm ngoài khả năng kiểm soát của một bên;</li> <li>+ Bên đó không thể dự phòng một cách hợp lý trước khi ký kết hợp đồng;</li> <li>+ Đã xảy ra mà bên đó không thể tránh được hoặc không khắc phục được một cách hợp lý, và</li> <li>+ Thực tế không thể quy cho bên kia.</li> </ul> <p>c) Sự chậm trễ, trở ngại trên công trường do Chủ đầu tư hoặc các nhà thầu khác của Chủ đầu tư gây ra như: việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận, không bố trí lịch cắt điện theo đề xuất bằng văn bản của bên nhận thầu, các nội dung khác không do lỗi của Bên nhận thầu gây ra.</p>
<b>E-ĐKC 31</b>	<p>Đẩy nhanh tiến độ:</p> <p>- Nhà thầu phải chủ động, tích cực cử cán bộ (Chỉ huy trưởng/cán bộ kỹ thuật của nhà thầu) kết hợp với tư vấn giám sát, đơn vị quản lý sử dụng, đơn vị quản lý dự án kịp thời đề xuất xử lý các vấn đề phát sinh, thay đổi thiết kế (nếu có) để đảm bảo tiến độ thi công liên tục, không tạm dừng ở khâu nào vì lý do phát sinh, thay đổi thiết kế.</p> <p>- Trực tiếp liên hệ, làm việc với Xí nghiệp Lưới điện cao thế Đắk Lắk (đơn vị quản lý vận hành TBA 110kV Tuy Hòa) để thỏa thuận về thời gian thi công hợp lý, phương án thi công đảm bảo đáp ứng tiến độ</p>

	công trình, đặc biệt là phương án đảm bảo an toàn trong suốt quá trình thi công tại TBA 110kV đang vận hành không người trực.
<b>C. Quản lý chất lượng</b>	
<b>E-ĐKC 33.2</b>	<p>Vật tư, máy móc, thiết bị: theo yêu cầu của Chủ đầu tư:</p> <p>Vật tư, máy móc, thiết bị: Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ vật tư, vật liệu, mẫu, kết quả kiểm nghiệm, catalogue, biên bản thí nghiệm các loại vật tư trước khi đưa vào công trình (theo nội dung tại <b>Phụ lục II của hợp đồng</b>).</p> <p>Nhà thầu có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại, chi phí phát sinh (nếu có) cho bên mua trong trường hợp có khiếu nại của bên thứ ba về quyền sở hữu trí tuệ đối với vật tư cấp cho công trình.</p>
<b>E-ĐKC 34</b>	<p>Nhà thầu thi công đăng ký chữ ký số của cá nhân có trách nhiệm ghi và ký NKTCDT, BBNTĐT với đơn vị cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số được pháp luật công nhận;</p> <p>Thực hiện ghi Nhật ký thi công điện tử (NKTCDT) và Biên bản nghiệm thu điện tử (BBNTĐT) trên phần mềm IMIS trong giai đoạn triển khai thi công xây dựng công trình (Chi tiết cụ thể theo Quyết định số 631/QĐ-EVN ngày 20/4/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Quy định triển khai nhật ký thi công điện tử và biên bản nghiệm thu điện tử trên phần mềm Quản lý Đầu tư Xây dựng - Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam).</p>
<b>D. Quản lý chi phí</b>	
<b>E-ĐKC 40</b>	<p>Giá hợp đồng: (đã bao gồm thuế VAT 8% và Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh 5%): ..... <b>đồng</b> (Bằng chữ: .....).</p>
<b>E-ĐKC 41.1</b>	Giá hợp đồng: Cố định.
<b>E-ĐKC 42.1</b>	<p>- Tạm ứng: Chủ đầu tư tạm ứng cho Nhà thầu: .....<b>đồng</b> (Bằng chữ: .....) (trương đương 25% giá trị hợp đồng) sau khi Chủ đầu tư nhận được bảo lãnh của Nhà thầu</p> <p>- <i>Hồ sơ tạm ứng:</i></p> <p>+ 01 bản gốc và 01 bản sao (có dấu sao y bản chính) Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.</p> <p>+ 02 bản chính Giấy đề nghị tạm ứng.</p> <p>+ 01 bản gốc và 01 bản sao (có dấu sao y bản chính) Bảo lãnh tạm ứng.</p> <p>- <b>Phương thức thu hồi tiền tạm ứng:</b> Tiền tạm ứng được thu hồi dần qua các lần thanh toán và phải bảo đảm tiền tạm ứng được thu hồi hết khi giá trị thanh toán đạt 80% giá hợp đồng đã ký kết.</p> <p>- Thời gian tạm ứng:</p>

không quá 28 ngày kể từ ngày chủ đầu tư nhận được bảo lãnh tiền tạm ứng và được EVNCPC cấp vốn KHCB hoặc Tổ chức tín dụng cho vay.

- *Bảo lãnh tạm ứng là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành theo mẫu quy định trong hợp đồng với giá trị tương ứng giá trị được tạm ứng nêu trên và có thời gian hiệu lực đến hết ngày thứ 28 sau khi bên B hoàn thành tất cả công việc của hợp đồng hoặc đến khi bên Bên A thu hồi hết số tiền tạm ứng tùy điều kiện nào đến trước.*

- *Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu bên B không giao nộp đúng hạn, bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do bên B chi trả.*

*Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) bên A có bằng chứng trong việc bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.*

*Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.*

*Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng."*

**- Quản lý chi phí tạm ứng:**

*Sau khi ký hợp đồng, nhà thầu phải trình cho CĐT kế hoạch sử dụng tiền tạm ứng (như mua xi măng, sắt thép xây dựng, thép mạ kẽm, thuê nhân công, ...), trong đó có thể hiện các mốc tiến độ vật tư được tập kết đến công trường. Nhà thầu có trách nhiệm nộp cho CĐT các tài liệu chứng minh về sử dụng tiền tạm ứng như hợp đồng, chứng từ thanh toán. CĐT sẽ kiểm soát tiến độ cung cấp vật tư đến công trường theo kế hoạch. Trường hợp Chủ đầu tư phát hiện nhà thầu sử dụng khoản tạm ứng không đúng cho công trình thì sẽ tiến hành thu bảo lãnh tạm ứng của nhà thầu.*

- **Phương thức thu hồi tiền tạm ứng:** *Tiền tạm ứng được thu hồi dần qua các lần thanh toán và phải bảo đảm tiền tạm ứng được thu hồi hết khi giá trị thanh toán đạt 80% giá hợp đồng đã ký kết.*

*Bên B phải đảm bảo rằng bảo đảm tiền tạm ứng là có giá trị và có hiệu*

	<p><i>lực cho đến khi bên A kết thúc hoàn toàn việc thu hồi tạm ứng.</i></p> <p><i>Trường hợp tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi ký biên bản nghiệm thu công trình và trước khi chấm dứt Hợp đồng, khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi được này sẽ là nợ đến hạn và bên B phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên A.</i></p> <p><i>Trường hợp nhà thầu không thực hiện hợp đồng, toàn bộ khoản tạm ứng sẽ được thu hồi thông qua bảo lãnh tạm ứng của ngân hàng đã phát hành cho nhà thầu.</i></p>
<p><b>E-ĐKC 44.1</b></p>	<p>Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.</p> <p>1. Thanh toán theo giai đoạn: Việc thanh toán được thực hiện trên cơ sở khối lượng công việc thực tế hoàn thành được nghiệm thu từng đợt</p> <p>2. Thời hạn thanh toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ đầu tư sẽ thanh toán đầy đủ 100% giá trị của từng lần thanh toán cho Nhà thầu sau khi đã giảm trừ tiền tạm ứng và 5% giá tiền bảo hành công trình trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày nhà thầu phát hành hoá đơn GTGT và chủ đầu tư nhận được hồ sơ thanh toán theo khoản 3 mục này của nhà thầu và được EVNCPC cấp vốn KHCB hoặc Tổ chức tín dụng cho vay;</li> <li>- Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư phê duyệt quyết toán, Chủ đầu tư sẽ thanh toán đến 95% giá trị quyết toán gói thầu đã được hai bên thống nhất cho Nhà thầu, 5% giá trị còn lại được Chủ đầu tư giữ lại trong thời hạn bảo hành công trình cho đến khi Chủ đầu tư nhận được bảo lãnh bảo hành công trình.</li> </ul> <p>3. Hồ sơ thanh toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa đơn GTGT do nhà thầu phát hành phù hợp với giá trị được thanh toán;</li> <li>- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán (bảng thanh toán A-B) có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư, đại diện Nhà tư vấn giám sát và đại diện Nhà thầu</li> <li>- Bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng đã ký kết có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư hoặc đại diện nhà tư vấn giám sát và đại diện Nhà thầu;</li> <li>- Đề nghị thanh toán của Nhà thầu cần thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo Hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các Khoản này có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư và đại diện Nhà thầu.</li> </ul> <p>4. Đồng tiền thanh toán: giá hợp đồng sẽ được thanh toán bằng đồng tiền Việt Nam (VND).</p>

<b>E-ĐKC 45</b>	<p>Điều chỉnh thuế: Được phép, trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng”.</p>
<b>E-ĐKC 46.1</b>	<p>Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 10%  <b>+ 5%</b> khoản tiền giữ lại được thanh toán cho nhà thầu sau khi đã hoàn tất hồ sơ quyết toán nộp cho bên A và được bên A chấp thuận.  <b>+ 5%</b> còn lại sẽ được thanh toán ngay sau khi bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành công trình (khi bên B đệ trình giấy xác nhận hoàn thành nghĩa vụ bảo hành theo quy định).</p> <p><u>Bảo lãnh bảo hành:</u> Trong vòng 15 ngày kể từ ngày vật tư thiết bị/Công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng và được Bên A chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải giao cho Bên A Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành mà Bên B gửi Bên A phải là Bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị bằng <b>5% Giá trị hợp đồng</b>.</p> <p><u>Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành:</u> Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ ngày công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành, Bên bán phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới.</p> <p>Trường hợp sửa chữa hoặc thay thế Hàng hóa, giai đoạn bảo hành tương ứng của hàng hóa thiết bị đó sẽ được kéo dài thêm khoảng thời gian phù hợp quy định tại Yêu cầu về kỹ thuật và Phạm vi công việc và Tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày việc sửa chữa và thay thế đó được Bên A chấp nhận.</p> <p>Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Bên B thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Bên B theo thời gian yêu cầu của Bên A. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này.</p> <p>Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên B chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Bên B phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối</p>

	<p>thiếu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà bên B không gia hạn bảo lãnh thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành.</p> <p><i>Thời gian bảo hành công trình: tối thiểu 12 tháng kể từ ngày công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.</i></p>
<p><b>E-ĐKC 47.1(d)</b></p>	<p>Trường hợp sửa đổi hợp đồng:</p> <p><b>* Điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Việc điều chỉnh, bổ sung hợp đồng chỉ được áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng bao gồm cả thời gian được gia hạn thực hiện hợp đồng.</li> <li>- Những khối lượng công việc tăng do lỗi chủ quan của Nhà thầu gây ra thì không được phép điều chỉnh. Khối lượng phát sinh hợp lý và được xác định là không phải lỗi của nhà thầu thì sẽ được thanh toán và giá trị phát sinh phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</li> <li>- Giá trị phát sinh được tính bằng khối lượng công việc phát sinh nhân với đơn giá phát sinh.</li> </ul> <p>Phương pháp xác định giá trị phát sinh như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Trường hợp công việc phát sinh có đơn giá trong hợp đồng đã ký: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với hợp đồng đơn giá cố định: Giá trị phát sinh được tính bằng khối lượng công việc phát sinh nhân với đơn giá của công việc tương ứng đã có trong hợp đồng và các phụ lục bổ sung hợp đồng trước đó (nếu có).</li> </ul> </li> <li>b. Trường hợp công việc phát sinh không có đơn giá trong hợp đồng: <p>Trên cơ sở dự toán của công việc phát sinh được lập và phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, các bên tham gia hợp đồng phải thỏa thuận, thống nhất đơn giá và giá trị phát sinh trước khi thực hiện trên nguyên tắc không vượt đơn giá và giá trị dự toán công việc phát sinh đã được phê duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về hợp đồng xây dựng.</p> <p><b>** Điều chỉnh tiến độ: Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</li> <li>b) Thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;</li> <li>c) Việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của Nhà thầu gây ra”.</li> </ol> </li> </ol>

	d) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của bên giao thầu gây ra.
<b>E-ĐKC 47.7</b>	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
<b>E-ĐKC 49.1</b>	<p><b>Mức phạt:</b>          Nếu nhà thầu vi phạm về thời gian hoàn thành, chất lượng công việc như quy định tại Hợp đồng mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi của Chủ Đầu tư gây ra, nhà thầu sẽ bị phạt hợp đồng do chậm tiến độ, vi phạm chất lượng công việc.</p> <p><b>1. Về chậm tiến độ:</b>          Chủ đầu tư có quyền chấm dứt hợp đồng và tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng nếu:          + Nhà thầu chậm trễ việc hoàn thành công trình và số tiền phạt hợp đồng tương đương với tổng số tiền tối đa bị phạt (12% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm), hoặc          + Nếu sau 02 lần phải điều chỉnh Tiến độ cấp 2 (đã được Chủ Đầu tư chấp thuận) mà nhà thầu vẫn tiếp tục không đạt tiến độ cấp 2 (Mỗi lần điều chỉnh tiến độ, Chủ Đầu tư gửi nhà thầu 01 văn bản cảnh báo).</p> <p><i>- Các mức phạt: Trong thời gian thực hiện thi công, nhà thầu vi phạm tiến độ cấp 2 thì mức phạt tiến độ của mỗi tuần vi phạm được qui định như sau:</i></p> <p>+ Phạt 1%/tuần phần Hợp đồng bị vi phạm chậm cho mỗi tuần chậm trễ so với tiến độ cấp 2 được duyệt.          + Tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm.</p> <p><b>2. Về vi phạm chất lượng:</b>          Trường hợp nhà thầu vi phạm nghĩa vụ đảm bảo chất lượng công trình, ngoài việc bồi thường mọi kinh phí sửa chữa theo quy định tại E-ĐKC 42.2, nếu việc sửa chữa phải kéo dài thời gian hoàn thành theo tiến độ cấp 2 được duyệt hoặc thời gian hoàn thành công trình dẫn đến chậm trễ tiến độ của công trình thì mức phạt được tiếp tục áp dụng như xử lý phạt do chậm tiến độ ở khoản 1 nói trên.</p> <p><b>3. Phạt vi phạm Hợp đồng:</b></p> <p>a) Bên nhận thầu không đảm bảo đúng theo số lượng và thành phần về công tác nhân sự trên công trường theo quy định trong Hợp đồng.</p> <p>- Lần 01: Có văn bản nhắc nhở của Bên giao thầu.          - Lần 02: Bên giao thầu lập biên bản, tiếp tục có văn bản gửi cho Bên nhận thầu và phạt mỗi lần vi phạm 0,5% phần giá trị hợp đồng bị vi phạm.</p>

- Lần 03: Bên giao thầu đình chỉ thi công và xem xét chấm dứt Hợp đồng.

b) Bên nhận thầu không có hoặc không ghi đầy đủ nhật ký thi công điện tử đến thời điểm kiểm tra:

- Lần 01: Có văn bản nhắc nhở của Bên giao thầu.

- Lần 02 và các lần sau: Bên giao thầu lập biên bản, tiếp tục có văn bản gửi cho Bên nhận thầu và phạt mỗi lần vi phạm 0,1% phần giá trị hợp đồng bị vi phạm.

c) Bên nhận thầu chậm nộp nghiệm thu và thanh toán quý:

Mỗi lần chậm phạt 0,5% phần giá trị hợp đồng bị vi phạm và không giải ngân số tiền phải thanh toán cho Bên nhận thầu trong đợt vi phạm.

d) Bên nhận thầu không báo cáo tiến độ hàng tuần hoặc báo cáo không đúng tiến độ:

- Lần 01: Có văn bản nhắc nhở của Bên giao thầu.

- Lần 02: Bên giao thầu lập biên bản, tiếp tục có văn bản cho Bên nhận thầu và có văn bản mời Bên nhận thầu đến làm việc.

- Lần 03 và các lần sau: Bên giao thầu lập biên bản tạm đình chỉ thi công và mỗi lần vi phạm phạt 0,01% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.

đ) Bên nhận thầu chậm nộp hồ sơ hoàn công, nghiệm thu:

- Trường hợp chậm nộp hồ sơ nghiệm thu để đóng điện hạng mục công trình đã đủ điều kiện theo văn bản yêu cầu của Bên giao thầu. Nếu chậm tiến độ 10 ngày kể từ ngày đủ điều kiện đóng điện thì phạt 0,5% giá trị hợp đồng, mỗi 05 ngày chậm tiếp theo phạt thêm 0,2% giá trị hợp đồng.

- Trường hợp chậm nộp hồ sơ hoàn công để nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng (lần đầu/ hiệu chỉnh theo văn bản yêu cầu của Bên giao thầu): Nếu chậm tiến độ 10 ngày kể từ ngày hạng mục cuối cùng đã thi công hoàn thành nghiệm thu đóng điện thì phạt 0,5% giá trị hợp đồng, mỗi 05 ngày chậm tiếp theo phạt thêm 0,2% giá trị hợp đồng.

e) Bên nhận thầu chậm nộp hồ sơ quyết toán hợp đồng (lần đầu/hiệu chỉnh theo văn bản yêu cầu của Bên giao thầu): Nếu chậm tiến độ 10 ngày thì phạt 0,5% giá trị hợp đồng, mỗi 05 ngày chậm tiếp theo phạt thêm 0,2% giá trị hợp đồng.

**\* Tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm.**

	<p><b>** Ngoài việc bị phạt theo các quy định nêu trên, nhà thầu sẽ bị đánh giá về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 20 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP.</b></p>
<b>E-ĐKC 49.2</b>	<p>Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.</p> <p>- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;</p> <p>1. Trong quá trình thi công hoặc thi công hoàn thành và trong thời gian bảo hành nhưng để xảy ra sự cố do chất lượng thi công của nhà thầu làm ảnh hưởng đến chỉ tiêu cung cấp điện, chất lượng điện năng, nguy cơ xảy ra tai nạn điện...nhà thầu phải bồi thường thiệt hại do mất điện được tính theo công thức sau:</p> $Zbt = Gbq \times Ađn \times Tbt + Ytc$ <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Zbt: Giá trị bồi thường.</li> <li>- Gbq: Giá bán điện bình quân của Công ty Điện lực với tháng liền kề trước đó bị sự cố.</li> <li>- Ađn: Sản lượng mất điện do sự cố gây nên.</li> <li>- Tbt: Tỷ lệ bồi thường đối với trường hợp xác định không hoàn toàn do lỗi của nhà thầu.</li> <li>- Ytc: Chi phí đền bù để thi công khôi phục tình trạng lưới điện</li> </ul> <p>2. Bồi thường thiệt hại: Ngoài quy định về phạt vi phạm, nhà thầu có trách nhiệm bồi thường cho chủ đầu tư toàn bộ các thiệt hại thực tế và gián tiếp phát sinh do lỗi, vi phạm của nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng gây ra.</p>
<b>E-ĐKC 49.3</b>	<p>Thưởng hợp đồng: áp dụng.</p> <p>Nhà thầu hoàn thành đảm bảo chất lượng công trình và có thời gian hoàn thành gói thầu &gt; 30 ngày theo tiến độ hợp đồng.</p>
	<b>E. Kết thúc hợp đồng</b>
<b>E-ĐKC 54</b>	<p>Thời gian bàn giao công trình: Kể từ ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng</p>
<b>E-ĐKC 55.1</b>	<p>Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: trước 03 ngày kể từ ngày tổ chức nghiệm thu giai đoạn/hoàn thành hoặc chậm nhất là 05 ngày sau ngày hoàn thành</p>
<b>E-ĐKC 55.2</b>	<p>Số tiền giữ lại: 5% giá trị quyết toán hoặc Nhà thầu phải nộp cho chủ đầu tư một bảo đảm ngân hàng để bảo đảm trách nhiệm bảo hành công trình của nhà thầu với một khoản tiền xác định là 5% giá trị quyết toán công trình theo qui định.</p>

<b>E-ĐKC 56.1(a)</b>	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong <b>21</b> ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.
----------------------	--

**Mẫu số 15****BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [ghi tên Chủ đầu tư]  
(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Theo đề nghị của \_\_\_\_ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng xây lắp cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng); <sup>(1)</sup>

Theo quy định trong E-HSMT (hoặc hợp đồng), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_ [ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_ [ghi địa chỉ của ngân hàng<sup>(2)</sup>] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là \_\_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn \_\_\_\_ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_.<sup>(3)</sup>

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Chủ đầu tư xem xét, quyết định sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của \_\_\_\_ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu trúng thầu gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số [ghi số hợp đồng] ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT.

**BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG <sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [ghi tên Chủ đầu tư ]

(sau đây gọi là Chủ đầu tư )

[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, \_\_\_\_ [ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm Nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng \_\_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_ [ghi tên của ngân hàng] ở \_\_\_\_ [ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_ [ghi địa chỉ của ngân hàng<sup>(2)</sup>] (sau đây gọi là “ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu Nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá \_\_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Mục 42.1 E-ĐKCT].

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan đến hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Chủ đầu tư thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định của Hợp đồng sau khi Nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày Nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ <sup>(3)</sup> hoặc khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**Ghi chú:**

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 42.1 E-ĐKCT.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày quy định tại Mục 1.17 E-ĐKCT.

**GIẤY ỦY QUYỀN <sup>(1)</sup>**

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là \_\_\_\_ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của \_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại \_\_\_\_ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho \_\_\_\_ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_\_ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do \_\_\_\_ [ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức:

- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình đối chiếu tài liệu;
- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp<sup>(2)</sup>.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu]. \_\_\_\_ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_<sup>(3)</sup>. Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, Chủ đầu tư giữ \_\_\_\_ bản.

**Người được ủy quyền**  
[ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu (nếu có)]

**Người ủy quyền**  
[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà  
thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình hoàn thiện, ký kết hợp đồng. Giấy ủy quyền phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.